

Bản án số: **167/2019/HS-PT**
Ngày: 25 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 197/2019/TLPT-HS ngày 16/5/2019 đối với bị cáo Ngô Văn G và đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 5/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Văn G (tên gọi khác: **Toàn lựu đạn**), sinh ngày 01/11/1991 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 26 phường A3, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn V3 (chết) và bà Phan Thị T6 (sống); Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 10/5/2011 bị Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 19/5/2012. Ngày 25/5/2013 bị Tòa án nhân dân quận N1 xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2017.

Nhân thân: Ngày 11/5/2004 và ngày 07/01/2008 bị đưa vào trường giáo dưỡng. Ngày 30/9/2009 bị Tòa án nhân dân quận S xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi - không tính tiền án). Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. (Bị cáo có đơn rút kháng cáo sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Tòa án không triệu tập).

2. Nguyễn Hồng N, sinh ngày 23/10/1981 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu: 14 đường Đ3, phường T7, quận H2, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Phòng 402, Chung cư B, phường N7, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Văn H16 (sống) và bà Nguyễn Thị Nh (chết); Có vợ là Bùi Nhược Th1, có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. Có mặt.

3. Đặng Ngọc B, sinh ngày 11/5/1989 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 36, phường A3, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn Đ4 và bà Nguyễn Thị H17 (cả 2 đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2005 bị đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng. Năm 2008 bị Tòa án nhân dân quận S xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. Có mặt.

4. Trần Vinh Đ, sinh ngày 01/01/1998 tại Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K486/66 đường O, phường N8, quận H2, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Phòng 705 chung cư 12T3, phường N7, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Vinh Th4 và bà Nguyễn Thị Hoa L10 (cả 2 đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. Có mặt.

5. Nguyễn Quang D (tên gọi khác: **Rum**), sinh ngày 15/9/1999 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K572/27 đường O, tổ 45, phường N8, quận H2, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H17 và bà Đoàn Thiên Tr3 (cả 2 đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân quận S xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Năm 2017 bị Công an phường N7 xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. Có mặt.

6. Lê Quốc C, sinh ngày 19/10/1997 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 56, phường C3, quận T2, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn Th8 và bà Nguyễn Thị Thanh H17 (cả 2 đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 08/01/2018. Có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hồng N theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Luật sư **Lê Thị Hồng Th** –Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.*

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Minh H, 23 người bị hại, 05 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn G và Nguyễn Hồng N có mối quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội. Khoảng tháng 9/2017, G liên hệ với N hỏi: “*Có mua xe mô tô không giấy tờ giá rẻ không?*”, mặc dù biết đây là xe do G trộm cắp đem bán nhưng N vẫn đồng ý và thỏa thuận với G chỉ mua những xe tay ga, xe đời mới. Ngoài những lần trộm cắp một mình, Ngô Văn G còn rủ rê Trần Thanh T, Đặng Ngọc B trộm cắp xe máy các loại đem bán cho N. Khi G điện thoại báo cho N biết có xe, N thường điện thoại cho Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D hoặc Lê Quốc C (là những người làm việc đi thu hồi nợ cho N) đến các điểm hẹn để nhận xe từ G. Đ, D và C biết rõ những xe mô tô N nói đến gặp G để nhận là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn thực hiện, sau khi nhận xe thường đem về nhà Nguyễn Minh H cất giấu. Qua mạng xã hội, N nhờ một người ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ lai lịch, địa chỉ) làm giấy tờ đăng ký xe giả và biển số giả đưa cho Đ, D và C gắn vào các xe này rồi đem bán hoặc cầm cố hoặc bán cho người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể:

I. Ngô Văn G đã thực hiện 11 vụ trộm cắp xe mô tô đem bán cho Nguyễn Hồng N, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 361.500.000 đồng. Cụ thể:

Vụ 1: Tối ngày 18/9/2017, Ngô Văn G trộm cắp xe mô tô hiệu Exciter mau xanh trắng, biển kiểm soát 43H1-114.46, số máy 426775, số khung 426758, của anh Nguyễn Phú L, khi anh L để xe tại chùa L2, phường H1, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Sau đó G bán xe này cho N với giá 4.500.000 đồng. Do N không có nhà nên nói G để xe ở kiệt đường P gần nhà trọ của N ở 947/18 Đường N2, Quận S. N nhờ người ra dắt xe này vào nhà N cất giấu (N khai không nhớ đã nhờ người nào), xe gắn biển số 43D1-464.00. Sau đó, N lên mạng đặt làm giấy tờ đăng ký

xe giả mang tên Lê Quốc C, N giao xe cho Nguyễn Quang D sử dụng một thời gian rồi nói C đem xe đến hiệu cầm đồ K số 76 Đường T1, thành phố Đà Nẵng do ông Lữ Mạnh H làm chủ cầm cố để vay 21.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT đã thu hồi xe và BS xe trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 27.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định: biển kiểm soát: 43D1-464.00 là biển số thật, được đăng ký cho xe mô tô hiệu SH mode màu trắng nâu, SM 0275772, SK 039096 thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Minh Y (SN 1995, trú tại K142/53 Đường Đ1, Quận T2, Đà Nẵng). Xe bị mất trộm vào tháng 12/2017 khi để tại nhà.

Vụ 2: Chiều tối cùng ngày 18/9/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu SH mode màu đỏ đen, BKS 43C1-367.52, số máy 0049257, số khung 049224 của chị Trần Thị Hoa M khi chị Mai để xe trước nhà tại 129 đường N2, Quận H2, TP Đà Nẵng. Xe này, G bán cho N với giá 5.000.000 đồng, G mang xe đến nhưng N không có nhà nên G để xe ở vỉa hè kiệt P, quận S. Sau đó, N ra lấy xe, qua mạng xã hội, N mua biển số giả 43C1-199.37 gắn vào xe và giao cho vợ là Bùi Nhược Th1 sử dụng, Th1 không biết xe N phạm tội mà có. Cơ quan ĐT đã thu hồi xe trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe mô tô này là 35.000.000 đồng.

Vụ 3: Chiều ngày 09/10/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Exciter màu trắng xanh BKS 82K1 - 023.40, số khung 313348, số máy 313361 của anh Trần Văn Th2 khi anh Th2 để xe ở phòng trọ tại 135/28 đường Th3, Đà Nẵng. Sau khi trộm cắp, G bán cho N với giá 3.000.000 đồng. N nói Trần Vinh Đ và Nguyễn Quang D đến kiệt P để nhận xe. Khi nhận xe về, N mua biển số giả 43C1 - 001.35 gắn vào xe và mua giấy tờ giả đứng tên Trần Vinh Đ. Sau đó N nói Đ đến hiệu cầm đồ K cầm cố lấy 20.000.000 đồng, số tiền này Đ đưa cho N để chi tiêu cho cả nhóm. Cơ quan ĐT đã thu hồi xe trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 27.000.000 đồng.

Vụ 4: Trưa ngày 11/10/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Airblade màu xanh bạc đen BKS 43H1 - 193.64, số khung 166935, số máy 1529365 của chị Trần Thị Kim L1 khi đang để trước nhà ở tổ 54, phường M1, quận N1. G giao xe trực tiếp cho N ở 947/18 Đường N2, Đà Nẵng. Lúc này, Nguyễn Quang D và Lê Quốc C đang ở chơi tại nhà N nên biết việc này. Sau khi nhận xe, N đưa cho Đ số tiền 7.000.000 đồng để trả lại cho G tại quán café Milano tại đường Pasteur, Đà Nẵng. N mua biển số giả 43C1 - 168.68 và đặt làm giấy đăng ký xe giả mang tên Nguyễn Hồng N. Xe này N giao cho Đ sử dụng, cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe này là 36.000.000 đồng.

Vụ 5: Chiều ngày 06/11/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Airblade xám trắng BKS 75B1 - 332.15, số khung 045994, số máy 2066848 của anh Huỳnh Văn T3. Anh T3 giao xe cho anh Nguyễn H4 sử dụng để đi làm và bị mất xe khi đang để xe trước số nhà 159A Đường N3, phường K1, quận N1. G bán xe cho N

với giá 4.000.000 đồng (N khai không nhớ nhờ ai đi nhận xe này). N lên mạng xã hội mua biển số giả 43C1 - 267.68 gắn vào xe và mua giấy tờ đăng ký xe giả mang tên Nguyễn Quang D. Sau đó N nói D đem xe đến tiệm K cầm cố được 25.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho bị hại. Theo định giá trị giá xe là 28.000.000 đồng.

Vụ 6: Chiều ngày 10/11/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Airblade đồ đen xám BKS 43D1 - 506.25, số khung 029357, số máy 1029412 của anh Đặng Minh N khi đang để trước nhà tại K493/7 Đường T1 - TP Đà Nẵng. G đem xe đến để ở vỉa hè P để giao cho N (N không nhớ nhờ ai đi nhận xe này). N mua biển số giả 43D1 - 101.07 gắn vào xe và mua giấy tờ đăng ký xe giả mang tên Lê Quốc C. Sau đó N nói C đem xe đến tiệm K cầm cố được 30.000.000 đồng. C đưa số tiền này cho N để quản lý sử dụng. Cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho bị hại. Theo định giá trị giả xe này là 32.000.000 đồng.

Vụ 7: Tối 22/11/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Exciter 150 màu đỏ đen BKS 92U1 - 023.22 của anh Brúu B1 khi đang để xe tại KI94/8 Đường Đ1 - TP Đà Nẵng. G thỏa thuận bán xe cho N với giá 7.000.000 đồng. N nói với Đ và D đến gặp G tại kiệt P để nhận xe. Sau đó, N đặt mua biển số giả 43C1 - 224.37 gắn vào xe và mua giấy tờ đăng ký xe giả mang tên Trần Vinh Đ. Sau đó N nói C đem xe đến tiệm K cầm cố được 32.000.000 đồng. Đ đưa số tiền này cho N để quản lý sử dụng. Cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho bị hại. Theo định giá trị giả xe là 40.000.000 đồng.

Vụ 8: Chiều ngày 03/12/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu SH Mode màu đỏ đen, BKS 43D1 - 287.90, số khung 011724, số máy 0011747 của chị Nguyễn Thị L3 khi để xe trước nhà tại K77/32 đường L4 - TP Đà Nẵng. G bán xe này cho N với giá 6.000.000 đồng. Trần Vinh Đ đến gặp G ở cầu Thuận Phước để nhận xe này. Sau khi mua xe, N mua biển số giả 43D 1-506.08 gắn vào xe và bán cho Nguyễn Văn Tr với giá 27.000.000 đồng và hứa sẽ làm thủ tục giấy tờ cho Tr. N đã đặt làm 02 giấy đăng ký xe giả số 061008 mang tên Nguyễn Văn Tr và Trần Văn Tr nhưng chưa kịp giao giấy tờ cho Tr thì bị phát hiện thu giữ. Tr không biết xe N bán cho mình do phạm tội mà có. Khi N bị bắt giữ, Tr đã giao nộp lại xe cho Công An. Xe đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 30.000.000 đồng.

Vụ 9: Chiều ngày 13/12/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu SH Mode màu đỏ đen, BKS 43H1 - 151.48, số khung 204559, số máy 0314581 của chị Phạm Thị P1 khi để xe trước sân nhà tại tổ 13 Phường K1, quận N1. G bán xe này cho N với giá 6.000.000 đồng. N và Đ đi nhận xe này và xe có gắn sẵn BS 43K1 - 252.72. N nói Đ đem xe này về nhà Nguyễn Minh H (anh trai của N) để cất giấu. N nói với H xe của khách cầm, thấy xe đẹp nên H hỏi N hỏi khách có bán lại không và N đồng ý bán xe lại cho H với giá 20.000.000 đồng và hẹn sẽ làm giấy

tờ cho H. Sau nhiều lần hỏi giấy tờ xe nhưng N vẫn hứa hẹn rồi không có nên H nghi ngờ và khi biết xe do trộm cắp mà có, H đã trả lại xe và yêu cầu N trả lại tiền. Tuy nhiên, H vẫn cho N cất giấu xe tại nhà mình, đến ngày 06/01/2018 khi hành vi phạm tội của N bị phát hiện, H giao nộp xe này cho Cơ quan Công an. Xe đã được trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 40.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định BKS 43K1 - 252.72 là biển số thật, được đăng ký cho xe mô tô hiệu AirBlade màu vàng đen, số khung 458567, số máy 7086825 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H5, SN 1973, trú tại xã H6, huyện H7, xe bị mất trộm vào tháng 10/2017 tại xã H8, huyện Q, Quảng Nam.

Vụ 10: Ngày 18/12/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu Exciter 150 màu đỏ đen trắng BKS 43E1 - 262.07, số khung 469048, số máy 496066 của ông Phan Văn Q1, ông Q1 giao xe cho con là Phan Phú H9 sử dụng và bị mất khi để xe ở KI42 đường L5, Phường M2, Quận S. N khai G bán xe cho N tại quán café Milano và lúc này xe được gắn biển số 43D1 - 357.34. N và Đ nhận xe này từ G. Sau đó, N giao xe cho Lê Quốc C sử dụng, cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho bị hại. Theo kết luận định giá trị giá xe là 31.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định Biển số xe 43D1 - 357.34 là biển số thật, được đăng ký cho xe AirBlade màu trắng xám thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Bích Tr1 (trú tổ 61, phường C1, Quận T2). Xe bị mất tháng 12/2017 khi để trước sân nhà.

Vụ 11: Chiều ngày 23/12/2017, G trộm cắp xe mô tô hiệu SH Mode màu vàng nâu, BKS 43E1 - 218.46, số khung 024730, số máy 0252770 của chị Trần Thị P2, khi để xe trước nhà tại số 05 đường N5, Phường Th3, Quận S. G bán xe này cho N với giá 6.000.000 đồng. N nói Trần Vinh Đ và Nguyễn Quang D đến cầu Thuận Phước để nhận xe. Sau khi nhận xe, Đ và D đem xe về nhà Nguyễn Minh H, số 08 Đường Tr, Phường M2, Quận S để cất giấu. Tại đây, Đ dùng sơn đánh sơn xe lại thành màu trắng. Xe này, N bán cho đối tượng không rõ lai lịch với giá 10.000.000 đồng. Tài sản không thu hồi được. Theo định giá trị giá xe này là 35.000.000 đồng.

II. Ngô Văn G cùng Trần Thanh T thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản 127.740.000 đồng. Cụ thể:

Vụ 12: Chiều tối ngày 06/11/2017, G rủ T đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe máy chở G đến trước nhà trọ số 35/47 đường T4, phường P3, quận S, T đứng ngoài cánh giới, G phá cửa vào phòng trọ của anh Nguyễn Văn Hải lấy trộm xe mô tô hiệu AirBlade màu đen BKS 92D1 - 307.54, số khung 023039, số máy 6023050. G và T tháo biển số xe rồi đem xe bán cho Nguyễn Hồng N với giá 4.500.000 đồng. G giao xe cho N và Đ tại kiệt P. Đ mua xe này cho ông Trần Vinh Th4 (Cha Đ) sử dụng sử dụng. Do Đ không có tiền để trả nên N đã cho Đ

chiếc xe này. N mua biển số giả 43C1 - 224.25 và giấy đăng ký xe giả mang tên Trần Vinh Th4. Ông Th4 không biết xe phạm tội mà có, cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe này là 28.000.000 đồng.

Vụ 13: Chiều ngày 21/11/2017 G và T cùng nhau đi trộm tài sản. Khi đến trước số nhà 233 Đường N3, Phường K1, Quận N1 phát hiện xe mô tô hiệu Exciter màu vàng đen BKS 37L1 - 359.23 của anh Hà Văn Tr2 để trước phòng trọ không có người trông coi. T đứng ngoài, G vào phá khóa lấy trộm xe này. Sau khi lấy trộm, T đem xe về tháo bỏ biển số, đổi màu sơn thành màu đen, gắn Biển số 307.54 (là biển số G và T trộm cắp ở vụ 12 nêu trên) để sử dụng. Tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Theo định giá trị giá xe là 18.000.000 đồng.

Vụ 14. Rạng sáng ngày 11/12/2017, T sử dụng xe mô tô hiệu Exciter chở G đến trước nhà trọ số K124/H29/1 đường L6, phường A, quận S. T đứng ngoài cảnh giới, G vào phá khóa lấy trộm xe hiệu Exciter 150 màu trắng đỏ, BKS 74G1 - 084.03, số khung 287642, số máy 301760 của anh Nguyễn Ánh Ng. Xe này G bán cho N giá 7.000.000 đồng. N và C đến cầu Thuận Phước gặp G và T để nhận xe. N giao xe này cho C sử dụng. Sau đó qua mạng xã hội, N mua biển số giả 43D1 - 223.39 và giấy đăng ký xe giả mang tên Lê Quốc C. C đem xe đến hiệu cầm đồ K cầm 32.000.000 đồng, số tiền này, N quản lý tiêu xài chung, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả xe lại cho bị hại. Theo định giá trị giá xe là 32.200.000 đồng.

Vụ 15: Trưa ngày 12/12/2017, T và G đập kính cửa sau đột nhập vào nhà chị Dương Thị Kim Ng1 tại lô 54 B2.18 đường Đ2, Quận N1 để lấy trộm tài sản gồm: 01 tivi hiệu LG 49 inch, 01 con heo đất bên trong có 300.000 đồng. T lấy tivi về sử dụng và đưa cho G số tiền 2.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi tivi hiệu LG trả lại cho người bị hại. Chị Ng1 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.440.000 đồng.

Vụ 16: Trưa ngày 20/12/2017, T điều khiển xe Exciter chở G đến trước nhà trọ K284 đường N4, Phường P3, Quận S. T đứng ngoài cảnh giới còn G đến trước phòng trọ lấy 01 chiếc xe Sirius màu xám BKS 92H1 - 516.93, số khung 088435, số máy 242889 của anh Nguyễn Thanh D1. G bán xe này cho Trần Vinh Đ giá 2.000.000 đồng. Đ mượn tiền N để mua, do không có tiền trả nên Đ giao xe cho N và N đã bán xe cho một đối tượng không rõ lai lịch với giá 2.500.000 đồng. Tài sản không thu hồi được. Theo định giá trị giá xe là 17.100.000 đồng.

Vụ 17. Tối ngày 02/01/2018, T điều khiển xe Exciter gắn biển số 92N3-8912 (là BS của xe Wana T mua của anh Lê Văn C1, (S7V1997, trú tổ 41, phường A1, quận S, thành phố Đà Nẵng) chở G đến trước nhà K88/17/1 đường L7, phường P3, quận N1 thì phát hiện xe SH 125 màu cam, số khung 018010, số máy 0018052, (chưa có BKS) của anh Võ Văn T5 dựng trước nhà nhưng không có người trông coi, T đứng cảnh giới, G vào phá khóa lấy trộm xe này. G gắn

biển số 43H1-123.83 (Biển số xe trộm của chị Lạc Phương E ở vụ 22) rồi bán xe cho N với giá 11.000.000 đồng. N giao cho Đ và C đi nhận xe (C không nhận đã cùng Đ đi lấy xe này). Đ đem xe về nhà H cất giấu, sau đó, N giao cho Đ đem đến tiệm sửa xe số 158 đường H12, Đà Nẵng do ông Nguyễn Hữu S2 làm chủ để đổi lại màu sơn đen. Sáng ngày 06/01/2018, C điều khiển xe mô tô gắn BS 43D1-357.34 chở Đ và D đến tiệm ông Song lấy xe thì bị Công an Quận S phát hiện bắt giữ. Tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 25.000.000 đồng.

III. Ngô Văn G cùng Đặng Ngọc B thực hiện 06 vụ trộm cắp xe mô tô các loại. Cụ thể:

Vụ 18: Tối ngày 21/11/2017, Ngô Văn G rủ Đặng Ngọc B đi trộm cắp tài sản. B điều khiển xe mô tô hiệu Exciter BS 43E1-369.36 (thuộc sở hữu của B) chở G đến số nhà 47 đường N6, phường Th5, quận S phát hiện xe mô tô SH mode màu trắng nâu, BKS 43C1-664.18, số khung 102954, số máy 0102977 của chị Mai Thị Tuyết S1 để trước nhà không có người trông coi. B đứng canh giới, G vào phá khóa lấy trộm xe. G bán xe cho N giá 6.000.000 đồng, N và Đ nhận xe tại chung cư Vĩnh Mân Quang. Sau đó, N bán xe lại cho một thanh niên không rõ lai lịch tại quán cà phê Milano đường Pasteur với giá 10.000.000 đồng. Tài sản không thu hồi được. Theo định giá trị giá xe là 35.000.000 đồng.

Vụ 19: Chiều tối ngày 28/11/2017, B điều khiển xe mô tô của mình chở G đến trước số nhà 239 đường H11, phường M3, quận N1 thì phát hiện xe mô tô hiệu SH mode màu trắng nâu, BKS 76B1- 208.46, số khung 129032, số máy 0358319 của chị Nguyễn Ngọc Thúy A2 để trước nhà không có người trông coi. B đứng canh giới, G vào phá khóa lấy trộm xe. G bán xe cho N giá 6.000.000 đồng. N và Đ nhận xe từ G tại cầu Thuận Phước và đem về nhà H cất giấu và tháo biển số rồi đem bán cho một người không rõ lai lịch địa chỉ tại quán cà phê Milano giá 10.000.000 đồng. Tài sản không thu hồi được. Theo định giá trị giá xe là 40.000.000 đồng.

Vụ 20: Chiều tối ngày 22/12/2017, B điều khiển xe mô tô chở G đến trước nhà bà Lê Thị Diễm L8, đường MQ, phường Th5 phát hiện xe mô tô SH 125 màu xám đen, BKS 43H1-131.78, số khung 101766, số máy 0101860 của anh Nguyễn H13 để trước nhà không có người trông coi. G vào phá khóa lấy trộm xe đem bán cho N giá 11.000.000 đồng. N, Đ nhận xe từ G tại cầu Thuận Phước rồi đem về nhà H cất giấu. N mua BS giả 43C1-022.23 gắn vào xe để sử dụng, xe đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 47.700.000 đồng.

Vụ 21: Chiều tối ngày 25/12/2017, B điều khiển xe mô tô của mình chở G đến trước nhà số nhà 32 đường H14, phường Th6, quận T2 phát hiện xe mô tô SH mode màu xanh BKS 43D1-366.79, số khung 088538, số máy 0088582 của anh Nguyễn Văn C2 dựng trước nhà không có người trông coi. G vào phá khóa

lấy trộm xe đem bán cho N giá 6.000.000 đồng. D và Đ đến gặp G nhận xe ở cầu Thuận Phước. N giao xe này cho C sử dụng. N mua biển số giả 43C1 - 704.35 gắn vào xe rồi bán cho Trương Hải V với giá 25.000.000 đồng. Văn đưa trước cho N 10.000.000 đồng và hẹn lúc nào N có giấy tờ xe, Văn sẽ đưa số tiền còn lại. Khi N bị bắt giữ, biết xe do phạm tội mà có nên Văn đã giao nộp xe cho Cơ quan Công an, xe đã trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 30.000.000 đồng.

Vụ 22: Chiều tối ngày 03/01/2018, G và B đến trước số nhà K498/19 đường V1, phường K1, quận N1, thì phát hiện xe mô tô hiệu AirBlade màu đen BKS 43H1 - 123.83, số khung 014822, số máy 014863 của chị Lạc Phương E1 để trước nhà không có người trông coi. B đứng cạnh giới vào phá khóa lấy trộm xe này. Sau đó, G thay biển số 92H1 - 516.93 (là BS xe Sirius G và T đã trộm cắp ở vụ số 16 nêu trên) vào xe này rồi đem bán cho một người tên Hà không rõ lai lịch, địa chỉ giá 3.000.000 đồng. Ngày 24/6/2018, Công an phường H14, quận L9 đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu AirBlade có đặc điểm nêu trên tại công bãi rác Khánh Sơn, Đà Nẵng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá xe là 28.000.000 đồng.

Vụ 23: Chiều tối ngày 05/01/2018, G và B đến trước số nhà 65 đường H15, phường H3, quận H2 phát hiện xe mô tô hiệu SH mode màu trắng, BKS 43C1 - 323.99, số khung 013185, số máy 0013088 của chị Trần Thị Th7 để trước nhà. B Cảnh giới, G vào phá khóa lấy trộm rồi đem bán cho N giá 6.000.000 đồng. D và C đến gặp G để nhận xe và đem về nhà H cất giấu, thay biển số giả 43C1 - 307.72. Tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Theo định giá trị giá tài sản là 25.000.000 đồng.

Với nội dung trên tại bản hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 5/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn G, Đặng Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản” Các bị cáo Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D, Lê Quốc C phạm các tội “Trộm cắp tài sản ” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Ngô Văn G 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 08/01/2018.

2. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm a, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hồng N 13 (mười ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

3. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đặng Ngọc B 08 (Tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

4. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm a, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Vinh Đ 08 (Tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

5. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm a, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quang D 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

6. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm a, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Quốc C 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T và Nguyễn Minh H; về trách nhiệm bồi thường dân sự; án phí; xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Trong các ngày 09, 12 và 16 tháng 4 năm 2019 các bị cáo: Ngô Văn G, Đặng Ngọc B, Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D, Lê Quốc C có đơn kháng cáo cùng một nội dung là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo Ngô Văn G có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D rút đơn kháng cáo, xét thấy việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Ngô Văn G, Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D. Các bị cáo Lê Quốc C, Đặng Ngọc B đều giữ nguyên đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc C, Đặng Ngọc B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến đầu tháng 01/2018, do đã có thỏa thuận, hứa hẹn trước với Nguyễn Hồng N về việc tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có nên Ngô Văn G đã một mình và rủ rê các đồng phạm Trần Thanh T, Đặng Ngọc B thực hiện 23 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt nhiều xe mô tô và các tài sản khác rồi đem bán cho Nguyễn Hồng N và những người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài. Nguyễn Hồng N khi nhận được điện thoại của G báo có xe, N tự mình hoặc giao cho các đồng phạm Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D, Lê Quốc C đến gặp G để nhận xe. Đ, D, C biết rõ xe do N mua là tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp N đi nhận xe rồi đem về nhà trọ của Nguyễn Minh H ở số 08 Đường Tr, quận S cất giấu. Sau đó qua mạng xã hội N đặt làm giả biển số xe, giấy đăng ký xe mang tên N, Đ, C và tên một số người mua xe để để sử dụng làm phương tiện đi lại, mang đi cầm cố, thế chấp hoặc bán lại cho người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể:

Ngô Văn G một mình thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 11 xe mô tô các loại, với tổng trị giá 361.500.000 đồng; G cùng với Trần Thanh T thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 5 xe mô tô và các tài sản khác với tổng trị giá 127.740.000 đồng; G cùng với Đặng Ngọc B thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 06 xe mô tô các loại với tổng trị giá 205.700.000 đồng. Tổng cộng G tham gia thực hiện 23 vụ trộm cắp, chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 694.940.000 đồng.

Nguyễn Hồng N giúp sức cho Ngô Văn G cùng đồng bọn tiêu thụ 20 xe mô tô với tổng trị giá tài sản 641.500.000 đồng. Để tiêu thụ được các xe mô tô này N đã đặt mua và sử dụng 16 biển kiểm soát xe mô tô giả, 15 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả để cầm cố hoặc bán lại cho người khác nhằm thu lợi bất chính.

Trần Vinh Đ tham gia giúp sức cho Nguyễn Hồng N nhận và tiêu thụ 14 xe mô tô do G và đồng bọn trộm cắp, với tổng trị giá 462.300.000 đồng. Nguyễn

Quang D tham gia giúp sức cho N nhận và tiêu thụ 09 xe mô tô với tổng trị giá tài sản 273.000.000 đồng. Lê Quốc C giúp sức cho N nhận và tiêu thụ 08 xe mô tô các loại với tổng trị giá tài sản là 239.000.000 đồng. Các bị cáo C, Đ, D còn nhiều lần sử dụng các giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả, biển kiểm soát xe giả để làm phương tiện đi lại, cùng nhau hoặc thay phiên nhau sử dụng nhiều giấy tờ đăng ký xe giả, biển kiểm soát giả mang đi cầm cố, thế chấp hoặc bán cho người khác giúp sức cho N, nhằm thu lợi bất chính. Ngoài ra bản thân bị cáo Đ còn đứng tên 02 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả; D đứng tên 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả; C đứng tên 03 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả.

Nguyễn Minh H là anh trai của Nguyễn Hồng N, sau khi đặt mua của N 01 xe mô tô nhưng sau nhiều lần hỏi N về giấy tờ xe nhưng N không giao được nên H biết rõ N đang tiêu thụ xe do phạm tội mà có. Mặc dù biết những xe mô tô do N và các đồng bọn đem đến nhà H ở số 08 Đường Tr, quận S cất giấu là do phạm tội mà có nhưng H vẫn đồng ý chứa chấp. Tổng cộng H đã sử dụng địa điểm do mình quản lý giúp N chứa chấp 05 xe mô tô do phạm tội mà có với tổng trị giá 172.000.000 đồng.

[2]. Với những hành vi nêu trên các bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo, Lê Quốc C về các tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đặng Ngọc B, Lê Quốc C: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội nhiều lần, tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn, nhân thân xấu, hành vi của các bị cáo xâm hại trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật B vệ, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, và làm mất trật tự trị an trên địa bàn Thành phố. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo là thỏa đáng, không nặng do vậy đơn xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đặng Ngọc B, Lê Quốc C, không được chấp nhận.

[4]. Án phí: Các bị cáo Đặng Ngọc B, Lê Quốc C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận:

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn G, Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Đặng Ngọc B, Lê Quốc C. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2.1. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Đặng Ngọc B 08 (Tám) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

2.2. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 341; điểm a, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội trộm cắp tài sản); điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Quốc C 07 (bảy) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, **02 (Hai) năm tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo chấp hành là **09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bắt giam, ngày 08/01/2018.

3. Án phí: Các bị cáo Ngô Văn G, Nguyễn Hồng N, Trần Vinh Đ, Nguyễn Quang D không phải chịu; Các bị cáo Đặng Ngọc B, Lê Quốc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA Tp. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành